

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU (ACB- HOSE)

“Thận trọng để tăng trưởng bền vững”

MUA

Lê Thu Huyền

Email: huyen.lethu@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành:	Ngân hàng
Ngày báo cáo:	29/05/2023
Giá hiện tại (VND/CP):	25.000 VND
Giá mục tiêu (VND/CP):	29.300 VND (+17,2%)
Vốn hóa (Tỷ VND):	84.942
SLCPLH (CP):	3.377.435.094

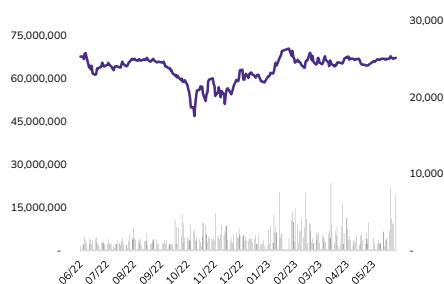
CHỈ SỐ QUAN TRỌNG

Mã cổ phiếu	ACB	Ngành
P/E	5,12	8,39
P/B	1,25	1,47
ROE	26,49%	19,28%
ROA	2,41%	1,71%

KQKD (tỷ đồng)	2022	1Q23
Thu nhập lãi thuần	23.534	6.215
Tổng thu nhập hoạt động	28.790	7.920
LNTT	17.114	5.156
NIM (%)	4,26%	4,51%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán, ABS Research

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: ABS Research

Luận điểm đầu tư

- Trong Q1/2023, ACB có sự tăng trưởng khả quan khi LNST ghi nhận 5.120 tỷ đồng (+25% svck), tương đương 26% kế hoạch năm. Kết quả đạt được nhờ tăng trưởng lãi thuần (+14,2% svck), thu nhập từ kinh doanh ngoại tệ (+44% svck), hoạt động khác (+54% svck). Tỷ lệ nợ xấu của ACB đến cuối Q1/2023 được kiểm soát mức dưới 1%, thuộc nhóm thấp nhất toàn ngành.
- Chúng tôi cho rằng triển vọng lợi nhuận của ACB trong năm 2023 sẽ tích cực dựa trên những yếu tố sau:**
 - NIM của ACB duy trì ổn định, ước tính cả năm 2023 ACB vẫn giữ được tỷ lệ NIM ở mức trên 4%.
 - Chất lượng tài sản ổn định, nợ xấu dù tăng vẫn được kiểm soát tốt.
 - Ngân hàng có tỷ trọng cho vay các lĩnh vực liên quan đến bất động sản thấp và không sở hữu TPDN. Vì vậy, ACB là một trong những nhà băng ít bị tác động khi thị trường bất động sản chững lại.
- Chúng tôi dự phóng LNTT năm 2023 của ACB đạt 20.232 tỷ đồng (+18,2% svck) với BVPS 2023F là 19.520 đ/cp. Giá mục tiêu là 29.300 đ/cp tương ứng P/B 2023F ở mức 1,5x lần.
- Với mức giá mục tiêu 29.300 đ/cp tiềm năng tăng giá +17,2%, chúng khuyến nghị **MUA** với cổ phiếu ACB.
- Rủi ro giảm giá:**
 - Tăng trưởng tín dụng không đạt như kỳ vọng
 - Tỷ lệ nợ xấu tăng cao hơn dự kiến.

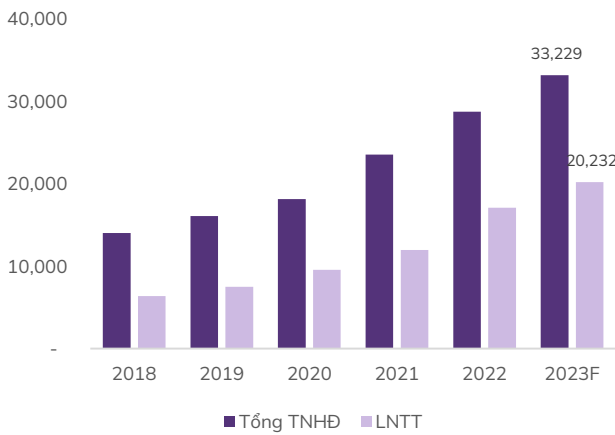
(Tỷ VNĐ, %)	2019	2020	2021	2022	2023F
Tổng thu nhập hoạt động	16.097	18.161	23.564	28.790	33.229
LNTT	7.516	9.596	11.998	17.114	20.232
% svck		27,7%	25,0%	42,6%	18,2%
Tăng trưởng tín dụng (%)	16,6%	15,9%	16,2%	14,3%	14,5%
Tăng trưởng huy động vốn (%)	18,2%	14,1%	9,4%	11,6%	13,5%
ROE (%)	24,6%	24,3%	23,9%	26,5%	24,3%
NIM (%)	3,6%	3,7%	4,0%	4,3%	4,2%
CIR (%)	51,6%	42,0%	34,9%	40,3%	33,4%
NPL (%)	0,54%	0,60%	0,78%	0,74%	0,81%
LLCR (%)	81,7%	83,0%	88,2%	90,3%	91,0%
BVPS (VND)	17.125	16.720	16.877	17.518	19.520
P/B (x)	3,91	3,09	2,44	1,87	1,54

Nguồn: ABS Research

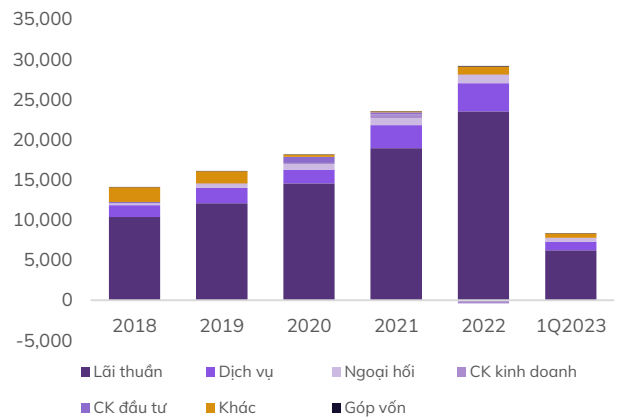
Cập nhật doanh nghiệp

- Trong Q1/2023, kết quả kinh doanh của ACB duy trì tăng trưởng tốt.** Tổng thu nhập hoạt động trong kỳ mang về 7.920 tỷ đồng (+15,6% svck). Chi phí hoạt động giảm 8,5% svck cho thấy ngân hàng đã cải thiện vấn đề quản lý chi phí. Mặc dù trong kỳ nhà băng này trích lập 256 tỷ đồng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng nhưng LNTT hợp nhất vẫn ghi nhận 5.156 tỷ đồng (+24% svck), hoàn thành 26% kế hoạch năm.
- Thu nhập lãi thuần (NII) trong kỳ đạt 6.215 tỷ đồng, tăng 14,2% svck.** Mảng tín dụng hai tháng đầu năm 2023 giảm nhẹ và hồi phục trong tháng 3 (+2,2% MoM). Nhìn chung, tín dụng Q1/2023 giảm 0,6% so với cuối năm ngoái do ảnh hưởng bởi sự giảm tốc của nền kinh tế, nhu cầu vay vốn của người dân và doanh nghiệp kém đi. Tăng trưởng huy động của ACB tăng nhẹ 2% trong bối cảnh lãi suất tiết kiệm vẫn neo cao.
- Thu nhập ngoài lãi (NOII) tăng giảm trái chiều.** Các nguồn thu từ dịch vụ giảm 15% so với cùng kỳ năm trước do đóng góp từ mảng bảo hiểm sa sút hơn cùng kỳ. Hoạt động kinh doanh ngoại hối mang lại cho ACB 438 tỷ đồng (+44% svck), hoạt động khác tăng trưởng 54% so với Q1/2022. Các mảng kinh doanh ngoài lãi khác chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Tổng TNHĐ – LNTT giai đoạn 2018 –2023F (tỷ đồng)



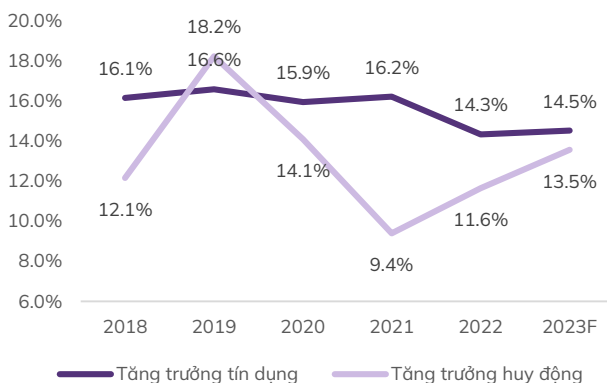
Cơ cấu tổng thu nhập của ACB 2018 -2022 (tỷ đồng)



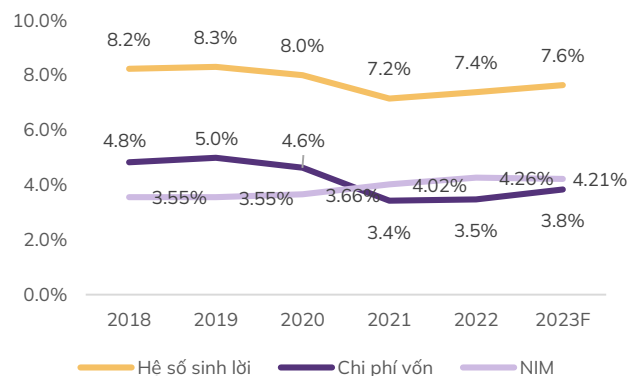
Nguồn: ACB, ABS Research

- NIM của ACB giảm không đáng kể mặc dù đã có nhiều đợt giảm lãi suất cho vay hỗ trợ khách hàng.** Cuối Q1/2023, NIM của ACB ghi nhận 4,51% (-11bps svck) nhờ ngân hàng đã linh hoạt trong việc điều chỉnh danh mục cho vay nhằm cân bằng với mức tăng lãi suất huy động. CASA của ACB tiếp tục giảm 230 bps (từ 22,3% xuống 20,6%) so với đầu năm do các doanh nghiệp chuyển sang gửi tiền có kỳ hạn để tối ưu hóa lợi nhuận. ACB đứng thứ 5 trong top ngân hàng có mức CASA cao nhất trong ngành. Như vậy, ACB sẽ phần nào gặp áp lực chi phí vốn gia tăng.

Tăng trưởng cho vay và huy động (2018 – 2023F)



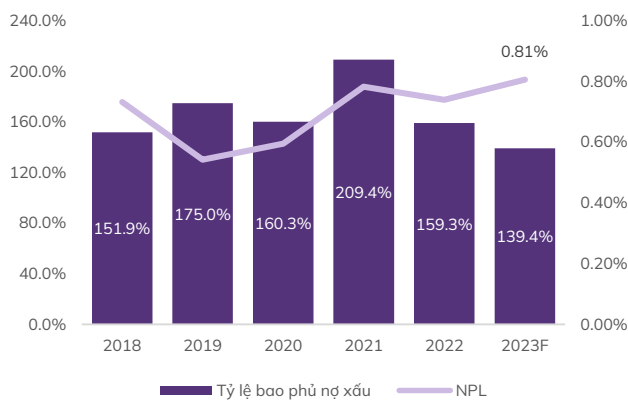
Khả năng sinh lời của ACB



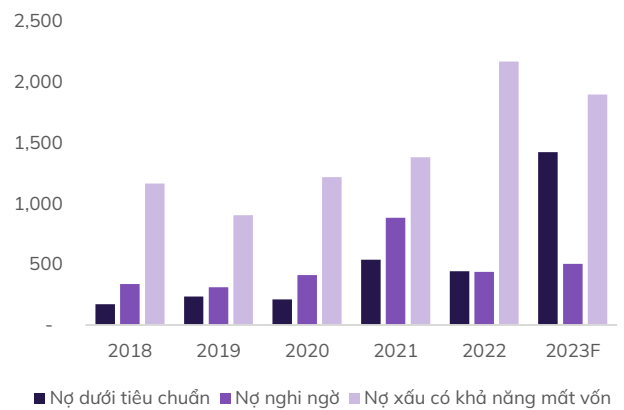
Nguồn: ACB, ABS Research

- **Điểm tích cực là ACB không đầu tư vào TPDN**, danh mục đầu tư của ACB với 85% là trái phiếu chính phủ và 15% trái phiếu của các tổ chức tín dụng hàng đầu.
- **Tỷ lệ nợ xấu (NPL) trong Q1/2023 của ACB tăng lên 0,84% (+14 bps so với đầu năm)** trước khi cập nhật số liệu từ Trung tâm thông tin tín dụng (CIC). Sau khi cập nhật số liệu CIC, tỷ lệ NPL kỳ vọng sẽ ở ngưỡng 0,94% - 0,98%. Đáng chú ý, nợ nhóm 4 (nợ nghi ngờ) tăng 149% so với cuối năm trước. Tuy nhiên, chỉ số an toàn CAR khá cao, ở mức 13,1% và LDR đạt 78%. Thêm vào đó, ACB cũng rất thận trọng khi tỷ trọng cho vay liên quan đến bất động sản chỉ chiếm 24% tổng dư nợ. Trong đó, 82% là cho vay mua nhà, phần còn lại là cho doanh nghiệp vay trong nhiều lĩnh vực. Dư nợ cho vay bất động sản kinh doanh dưới 1% tổng dư nợ. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu tiếp tục duy trì ở mức cao, trên 155%. Nhìn chung, bộ đệm quản trị rủi ro của ACB vẫn lành mạnh trong khi xu hướng gia tăng nợ xấu là không thể tránh khỏi trong bối cảnh thị trường khó khăn.

Tỷ lệ nợ xấu và bao phủ nợ xấu của ACB



Cơ cấu nợ xấu của ACB

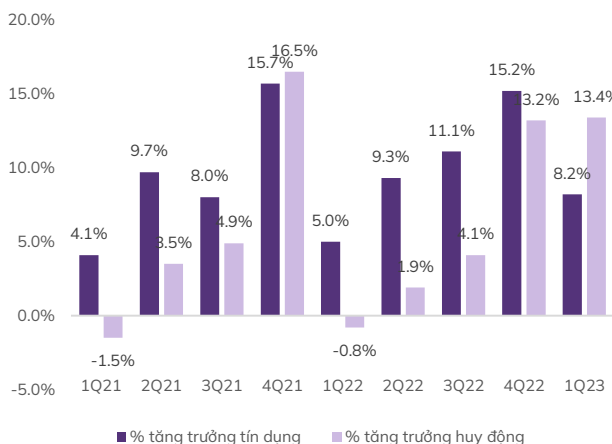


Nguồn: ACB, ABS Research

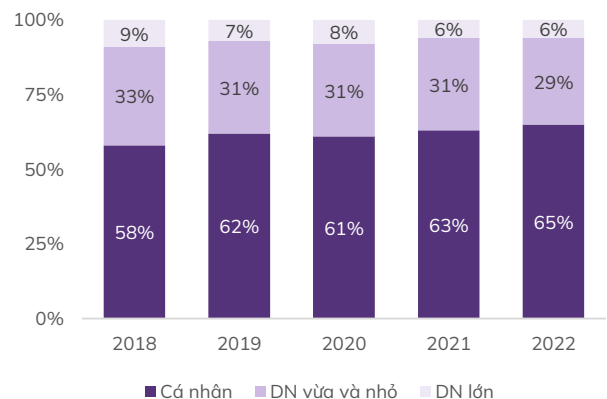
Dự phóng kết quả kinh doanh năm 2023

- Tín dụng cả năm sẽ khó tăng trưởng cao như năm trước do tình hình vĩ mô suy yếu, từ đó tác động tới hoạt động kinh doanh của ngành ngân hàng. Mặc dù vậy, chúng tôi đánh giá ACB sẽ vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tín dụng khả quan nhờ (1) Sở hữu bộ đệm quản trị rủi ro chất lượng cao; tuân thủ tuyệt đối các yêu cầu của NHNN, từ đó được ưu tiên cấp hạn mức tín dụng cao; (2) ACB sớm có động thái giảm lãi suất cho vay không chỉ tạo điều kiện cho khách hàng hiện hữu tiếp cận vốn dễ dàng hơn mà còn nhằm tạo lợi thế cạnh tranh trong ngành, thu hút khách hàng mới.

Tăng trưởng tín dụng và huy động theo quý (%ytd)



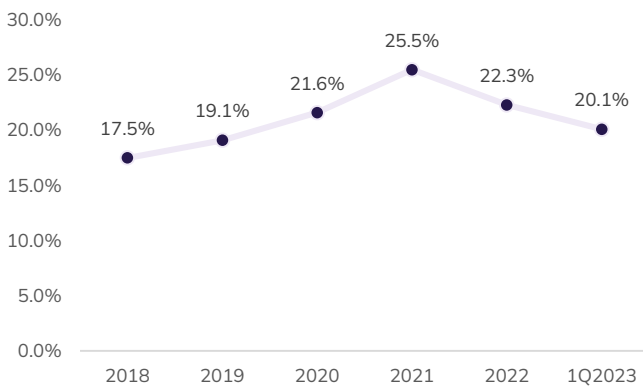
Cơ cấu cho vay theo phân khúc khách hàng (%)



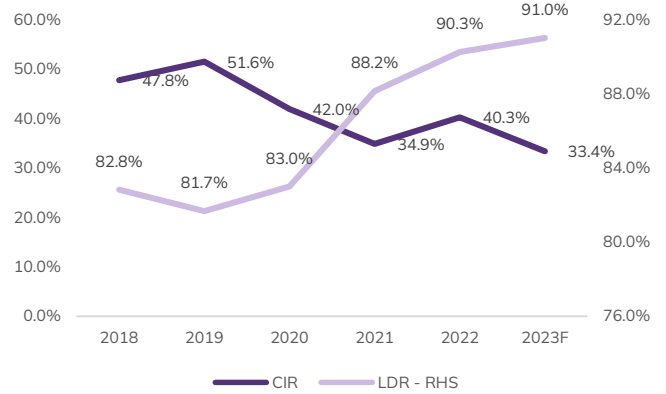
Nguồn: ACB, ABS Research

- **NIM chịu áp lực không nhỏ từ yếu tố chi phí vốn tăng cao.** Các yếu tố tác động có thể kể đến như: (1) Chất lượng tài sản giảm sút so với mức đỉnh năm trước tác động trực tiếp đến thu nhập từ lãi; (2) chi phí huy động bị áp lực bởi lãi suất tiền gửi vẫn neo ở mức cao trong nửa đầu năm. Chúng tôi dự phóng NIM của ACB trong năm 2023 sẽ gần như đi ngang so với năm 2022, giảm 5 bps svck, từ mức 4,26% của năm 2022 xuống còn 4,21% trong năm 2023. Chi phí vốn của ngân hàng tăng 30 bps so với năm trước lên mức 3,8%. Hệ số sinh lời tương ứng tăng 20 bps, chạm mốc 7,6%.
- Nợ xấu dự báo tiếp tục xu hướng tăng theo xu hướng chung toàn ngành. Tuy nhiên chúng tôi kỳ vọng **tỷ lệ nợ xấu của ACB duy trì dưới 1%, cụ thể là NPL 2023F ước tính đạt 0,81%** do ít bị ảnh hưởng bởi thị trường bất động sản và TPDN. ACB là ngân hàng có tỷ lệ cho vay liên quan đến bất động sản ở mức thấp. Ngoài ra, ACB cũng không đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp. Cách tiếp cận thận trọng của ngân hàng trở thành lợi thế cho ACB khi so sánh với các đối thủ trong ngành.
- Chỉ số CIR giai đoạn 2021 -2022 tăng đáng kể do ngân hàng tăng chi phí cho nhân viên và các hoạt động quản lý công vụ. Dự kiến với việc mạnh tay đầu tư vào hạ tầng công nghệ, ước tính CIR 2023F của ACB sẽ giảm mạnh, còn 33,4%.

Tỷ lệ CASA của ACB

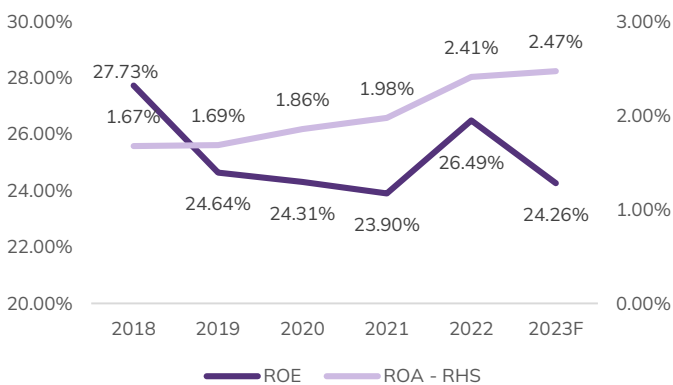


Tỷ lệ LDR

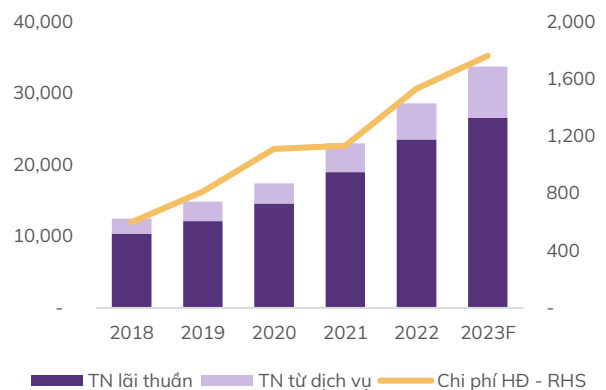


Nguồn: ACB, ABS Research

ROE và ROA



Cơ cấu thu nhập của ACB 2018 -2023F (tỷ đồng)



Nguồn: ACB, ABS Research

- Chúng tôi dự báo chi phí dự phòng rủi ro tín dụng 2023F của ACB sẽ chiếm 5,7% tổng thu nhập hoạt động, đạt 1.891 tỷ đồng (gấp gần 7 lần svck) do những lo ngại về việc gia tăng nợ xấu trong bối cảnh kinh doanh khó khăn. Tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu 2023F đạt 139,4%.
- **LNTT 2023F ước tính đạt 20.232 tỷ đồng (+18,2% YoY)**, tương ứng mức ROE 2023F là 24,26%, BVPS 2023F là 19.520 đồng/CP. Tại mức giá hiện tại, ACB đang giao dịch với P/B dự phóng 2023 ở mức 1,28x.

Định giá và khuyến nghị

- Chúng tôi sử dụng phương pháp định giá theo P/B cho cổ phiếu ACB. Với mức ROE dài hạn dự phóng quanh mức 24,0-24,2%, chúng tôi sử dụng mức P/B mục tiêu 1,5x cho ACB, tương đương mức P/B trung bình của cổ phiếu trong 5 năm gần nhất là 1.5x và thấp hơn P/B trung bình toàn ngành ở ngưỡng 1.6x. BVPS 2023F là 19.520 đ/cp. Mức định giá hợp lý của ACB năm 2023 ước tính là **29.300 đồng /cp**, tiềm năng tăng giá +17,2% so với giá hiện tại.
- Do đó chúng tôi khuyến nghị **MUA** với cổ phiếu ACB.
- **Rủi ro giảm giá**
 - ✓ Tăng trưởng tín dụng không đạt như kỳ vọng
 - ✓ Tỷ lệ nợ xấu tăng cao hơn dự kiến

PHỤ LỤC

Tỷ đồng	2019	2020	2021	2022	2023F
Bảng cân đối kế toán					
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	6.437.812	6.967.918	24.972.555	20.832.635	15.269.151
Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam	10.420.306	16.616.798	9.977.782	11.125.227	12.404.629
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	30.341.599	31.671.245	38.005.494	45.606.593	54.727.911
Chứng khoán kinh doanh	2.985.262	6.167.917	6.956.618	7.729.449	8.641.010
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	87.753	54.473	54.473	54.473	54.473
Cho vay khách hàng	266.164.852	308.528.625	354.483.034	396.986.976	444.591.391
Chứng khoán đầu tư	55.956.160	63.399.011	74.277.826	87.618.460	103.507.419
Đầu tư dài hạn	97.884	99.489	99.489	99.489	99.489
Tài sản cố định	3.770.219	3.782.753	3.795.329	3.807.946	3.820.606
Tài sản Có khác	6.890.916	6.893.097	7.194.194	7.550.043	7.927.243
Tổng tài sản	383.514.439	444.530.104	527.769.944	607.875.185	651.392.101
Các khoản nợ NHNN	-	-	-	-	-
Tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng khác	19.248.572	23.875.242	28.650.290	34.380.348	41.256.418
Tiền gửi của khách hàng	308.129.391	353.195.838	399.111.297	445.009.096	496.185.142
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	-
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư của Chính phủ và các tổ chức tín dụng khác	156.147	116.705	116.705	116.705	116.705
Phát hành giấy tờ có giá	20.830.836	22.049.697	22.049.697	22.049.697	22.049.697
Các khoản nợ khác	7.384.134	9.844.459	10.484.349	11.087.199	11.724.713
Tổng nợ phải trả	355.749.080	409.081.941	460.412.338	512.643.045	571.332.675
Vốn	16.699.190	38.686.535	44.090.431	44.090.431	44.090.431
Dự phòng	4.595.902	5.741.759	6.887.868	8.411.948	10.164.640
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	6.370.286	7.819.040	8.774.935	16.614.645	25.804.355
Tổng vốn chủ sở hữu	27.765.359	35.448.163	44.900.909	58.438.633	69.117.024
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi ích của cổ đông thiểu số	383.514.439	461.329.275	520.165.572	581.760.070	651.392.101
Tăng trưởng					
Huy động	18,2%	14,1%	9,4%	11,6%	13,5%
Tín dụng	16,6%	15,9%	16,2%	14,3%	14,5%
Tổng tài sản	16,5%	15,9%	18,7%	15,2%	15,4%
Vốn chủ sở hữu	32,1%	27,7%	26,7%	30,2%	28,4%
Thu nhập lãi thuần	16,9%	20,4%	29,9%	24,2%	119,2%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	14,7%	12,8%	29,7%	22,2%	106,4%
Chi phí hoạt động	23,8%	-8,2%	7,9%	41,0%	33,7%
Lợi nhuận trước thuế	17,6%	27,7%	25,0%	42,6%	169,2%
Lợi nhuận sau thuế	17,0%	27,8%	25,0%	42,5%	169,3%
Định giá					
P/E	9,02	3,72	7,97	6,69	7,12
P/B	3,91	3,09	2,44	1,87	1,54
BVPS (VND)	17.125	16.720	16.877	17.518	19.520

Triệu đồng	2019	2020	2021	2022	2023F
Báo cáo kết quả kinh doanh					
Thu nhập lãi thuần	12.112.160	14.582.123	18.944.792	23.533.529	26.554.583
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.985.193	3.579.186	4.619.205	5.256.538	6.674.636
Tổng thu nhập hoạt động	16.097.353	18.161.309	23.563.997	28.790.067	33.229.219
Chi phí hoạt động	(8.307.596)	(7.624.268)	(8.229.776)	(11.605.045)	(11.105.412)
LN thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng	7.789.757	10.537.041	15.334.221	17.185.022	22.123.807
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(273.821)	(941.153)	(3.336.109)	(70.814)	(1.891.347)
Tổng lợi nhuận trước thuế	7.515.936	9.595.888	11.998.112	17.114.208	20.232.460
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.505.999)	(1.913.065)	(2.395.366)	(3.426.015)	(4.046.492)
Lợi nhuận sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.009.937	7.682.823	9.602.746	13.688.193	16.185.968
EPS	4.091	4.054	2.000	2.851	3.371
Nhu cầu vốn					
CAR	10,9%	11,1%	10,1%	10,9%	12,5%
VCSH/TTS	7,2%	8,0%	8,5%	9,6%	10,7%
Chất lượng tài sản					
NPL	0,54%	0,60%	0,78%	0,74%	0,81%
Dự phòng bao nợ xấu	175,0%	160,3%	209,4%	159,3%	139,4%
Hệ số quản lý					
CIR	51,6%	42,0%	34,9%	40,3%	33,4%
Tổng thu nhập hoạt động	1.441	1.611	1.946	2.209	2.405
Lãi thuần trên mỗi nhân viên	673	851	991	1.313	1.464
Lợi nhuận trước thuế trên nhân viên	43.506	48.821	63.344	74.779	84.768
Lợi nhuận trên mỗi chi nhánh/PGD	20.313	25.795	32.253	44.452	51.613
Lợi nhuận					
NIM	3,55%	3,66%	4,02%	4,26%	4,21%
Thu nhập ngoài lãi/lãi thuần từ HĐKD	24,8%	19,7%	19,6%	18,3%	20,1%
ROA	1,69%	1,86%	1,98%	2,41%	2,47%
ROE	24,6%	24,3%	23,9%	26,5%	24,3%
Thanh khoản					
LDR	81,7%	83,0%	88,2%	90,3%	91,0%

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Nguyên tắc khuyến nghị

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Năng lượng, Xây lắp, VLXD

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

Vĩ mô, Bảo hiểm, Ngân hàng

Lê Thu Huyền - Chuyên viên

Email: huyen.lethu@abs.vn

BDS Dân cư, Thép

Trần Bình Minh - Chuyên viên

Email: minh.tranbinh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Nguyễn Phương Thảo - Chuyên viên

Email: thao.nphuong@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu - Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Đỗ Thành Trung - Phó Giám đốc

Email: trung.dothanh@abs.vn

Ngân hàng, BDS KCN, Cao su

Lê Quang Trung - Chuyên viên

Email: trung.lequang@abs.vn

Chứng khoán, Cảng biển

Trần Quang Huy, ACCA - Chuyên viên

Email: huy.tranquang@abs.vn

Hóa chất, Lương thực, Dữ liệu

Trịnh Thu Trang - Chuyên viên

Email: trang.trinhthu@abs.vn